



CHIẾN LƯỢC GIẢNG DẠY CHỮ ĐỘC THỂ NHẪM NÂNG CAO HIỆU QUẢ
GHI NHỚ CHỮ HÁN

TEACHING STRATEGIES FOR SINGLE-COMPONENT CHINESE
CHARACTERS TO ENHANCE MEMORIZATION OF CHINESE CHARACTERS

Vũ Thị Thuý Nga*

Đại học Ngôn Ngữ Bắc Kinh, Trung Quốc

*vuthithuynga56@gmail.com

Ngày nhận bài:

26/02/2026

Ngày chấp nhận

đăng: 22/4/2026

Keywords: Single-component characters, Chinese character memorization, Chinese character instruction, Chinese character teaching.

Từ khóa: Chữ độc thể, ghi nhớ chữ Hán, giảng dạy chữ Hán, tiếng Trung.

ABSTRACT

In the process of memorizing Chinese characters, simple characters play a fundamental role but are often not given sufficient attention by learners. In practice, most compound characters are formed from basic components, among which simple characters appear with high frequency. Mastery of simple characters helps learners better understand the structural features of Chinese characters, thereby facilitating more effective memorization and meaning inference of compound characters. Simple characters can therefore be regarded as an important foundation for expanding Chinese character knowledge in a systematic manner. On this basis, this paper focuses on analyzing the role of simple characters in the memorization of Chinese characters and proposes several appropriate teaching strategies, with the aim of providing practical reference material for learners of Chinese and teachers in Chinese character instruction.

TÓM TẮT

Trong quá trình ghi nhớ chữ Hán, chữ độc thể giữ vai trò nền tảng nhưng thường chưa được người học chú ý đúng mức. Thực tế cho thấy, phần lớn chữ hợp thể được cấu tạo từ các bộ phận cơ bản, trong đó chữ độc thể xuất hiện với tần suất cao. Việc nắm vững chữ độc thể giúp người học hiểu rõ cấu trúc chữ Hán, từ đó hỗ trợ việc ghi nhớ và suy đoán nghĩa của nhiều chữ hợp thể một cách hiệu quả. Có thể coi chữ độc thể là cơ sở quan trọng để mở rộng vốn chữ Hán theo hướng có hệ thống. Trên cơ sở đó, bài viết tập trung phân tích vai trò của chữ độc thể trong quá trình ghi nhớ chữ Hán và đề xuất một số chiến lược giảng dạy phù hợp, nhằm cung cấp tài liệu tham khảo thiết thực cho người học tiếng Trung và giáo viên trong giảng dạy chữ Hán.

1. Đặt vấn đề

Chữ Hán, với hệ thống tượng hình và biểu ý đặc thù, thường trở thành rào cản không nhỏ đối với người học tiếng Trung. Tuy nhiên, để thực sự làm chủ hệ thống chữ viết này, việc học chữ Hán là bước không thể bỏ qua, đồng thời cũng đặt ra thách thức đáng kể cho cả người dạy lẫn người học. Vì vậy, việc tìm kiếm một phương pháp giảng dạy hợp lý và mang lại hiệu quả cao là yêu cầu cấp thiết.

Trong đó, chữ độc thể được xem là nền tảng then chốt để tiếp cận chữ Hán một cách có hệ thống. Nguyên tắc “từ đơn giản đến phức tạp” thông qua việc nắm vững các chữ độc thể cơ bản sẽ giúp người học có cơ sở để phân tích, suy luận và ghi nhớ các chữ hợp thể phức tạp hơn, thay vì chỉ học thuộc một cách máy móc. Mặc dù tầm quan trọng của chữ độc thể đã được đề cập,

nhưng việc vận dụng nguyên tắc này vào thực tiễn giảng dạy một cách bài bản và hiệu quả vẫn cần được nghiên cứu sâu rộng hơn.

Vì thế, nghiên cứu này được thực hiện nhằm góp phần khẳng định và ứng dụng nguyên tắc nền tảng trên vào quá trình dạy và học chữ Hán, từ đó giúp người học giảm bớt khó khăn, xây dựng hứng thú và nâng cao hiệu quả tiếp thu.

2. Phương pháp nghiên cứu

Phương pháp nghiên cứu tài liệu: Tiến hành thu thập, đọc, phân tích và tổng hợp có hệ thống các tài liệu lý thuyết về dạy học chữ Hán và ngôn ngữ học để xây dựng nền tảng khoa học cho đề tài.

Phương pháp phân tích - phê bình: Phân tích sâu và đánh giá các ưu điểm, hạn chế của các quan điểm và phương pháp dạy chữ Hán hiện hành, từ đó làm rõ cơ sở cho sự cần thiết của việc đề xuất phương pháp mới dựa trên chữ độc thể.

Phương pháp đề xuất mô hình: Trên cơ sở lý thuyết và phân tích, xây dựng một mô hình/khung phương pháp luận cụ thể cho việc dạy và học chữ Hán theo hướng tiếp cận từ chữ độc thể cơ bản đến chữ hợp thể phức tạp, nhằm chuyển hóa lý thuyết thành một đề xuất có tính ứng dụng thực tiễn.

3. Đặc điểm và vai trò của chữ độc thể

3.1 Đặc điểm của chữ độc thể

Để giúp người học tiếp cận chữ Hán một cách hiệu quả và bớt e ngại, việc hiểu rõ đặc điểm của chữ độc thể là bước đầu tiên quan trọng. Dưới đây là ba đặc điểm nổi bật nhất.

- Chữ độc thể có nét bút ít và kết cấu đơn giản. Chữ độc thể thường có rất ít nét, ví dụ như chữ 一 (một nét) hay 八 (hai nét), dễ viết hơn nhiều so với các chữ hợp thể phức tạp như 懿 (22 nét). Học những chữ đơn giản này trước sẽ giúp người mới học cảm thấy tự tin và dễ nhớ cách viết hơn.

- Chữ độc thể giống hình vẽ, dễ liên tưởng. Nhiều chữ độc thể ban đầu là hình vẽ mô phỏng sự vật. Ví dụ, chữ 木 giống cái cây, thêm một nét ngang ở gốc thành 本, thêm ở ngọn thành 末. Cách học này sinh động, giúp hiểu được ý nghĩa của chữ và nhớ lâu hơn.

- Chữ độc thể là “mảnh ghép” để tạo chữ mới. Chữ độc thể giống như những viên gạch cơ bản. Chúng có thể đứng riêng, hoặc kết hợp với nhau để tạo thành chữ mới. Ví dụ: 日 kết hợp với chữ 月 thành chữ 明; hoặc, hai cái cây (木) tạo thành rừng (林). Khi ghép vào chữ khác, đôi khi hình dáng của chúng thay đổi một chút, như bộ 示 trong chữ 礼.

Như vậy, vì chữ độc thể đơn giản, dễ viết, dễ nhớ hình ảnh và là nền tảng để ghép thành chữ phức tạp, nên trong việc dạy tiếng Hán cho người nước ngoài, nên bắt đầu từ những chữ này. Học tốt chữ độc thể sẽ tạo nền tảng vững chắc để sau này học các chữ khó hơn.

3.2 Vai trò của chữ độc thể

Trong hệ thống chữ Hán, chữ độc thể giữ vai trò rất quan trọng, đặc biệt khi xem xét mối quan hệ của chúng với chữ hợp thể. Vai trò này thể hiện rõ ở các khía cạnh sau.

- Chữ độc thể là thành phần cấu tạo cơ bản của chữ hợp thể. Nhờ đó, chúng tạo điều kiện thuận lợi cho việc kết hợp giữa hình thể, âm đọc và ý nghĩa trong quá trình giảng dạy chữ Hán. Khi giáo viên khai thác tốt mối quan hệ này, hiệu quả dạy và học chữ Hán được nâng cao rõ rệt.

- Chữ độc thể là công cụ để phân tích và giải nghĩa chữ Hán. Khi một chữ độc thể xuất hiện trong chữ hợp thể với tư cách là bộ thủ hoặc thành phần cấu tạo, nó thường đảm nhiệm chức năng biểu nghĩa hoặc gợi âm. Ví dụ, trong chữ 妈 thì bộ 女 cho biết chữ này liên quan đến giới tính nữ, giúp người học dễ dàng suy đoán nghĩa; hay trong chữ 清, bộ 氵 (biến thể của 水, nước) gợi ý nghĩa liên quan đến nước hoặc trạng thái của nước, còn thành phần 青 cung cấp manh mối về cách đọc. Do đó, không thể xem chữ độc thể chỉ là bộ phận dùng để viết mà không mang ý nghĩa. Trên thực tế, chúng luôn chứa đựng giá trị ngữ nghĩa nhất định khi kết hợp với các thành phần khác.

- Chữ độc thể giúp hệ thống hóa kiến thức và giảm gánh nặng ghi nhớ cho người học. Khi hiểu chữ độc thể là “mảnh ghép” của chữ hợp thể, người học không còn xem mỗi chữ mới là một ký tự hoàn toàn xa lạ. Thay vào đó, họ có thể phân tích chữ phức tạp thành các thành phần quen thuộc. Cách tiếp cận này giúp việc học chữ Hán trở nên logic hơn, hạn chế ghi nhớ máy móc và nâng cao khả năng ghi nhớ lâu dài.

- Chữ độc thể góp phần xây dựng nền tảng vững chắc để học chữ phức tạp. Việc nắm vững các chữ độc thể cơ bản như 人, 口, 手, 木, 水, 火 giúp người học có công cụ để tiếp cận và hiểu hàng loạt chữ hợp thể khác. Điều này đúng với cả chữ hội ý như 明 (日+月) lẫn nhiều chữ hình thanh, trong đó chữ độc thể thường giữ vai trò biểu nghĩa.

Như vậy, việc nhấn mạnh vai trò của chữ độc thể không nhằm đồng nhất chúng với các bộ phận của chữ hợp thể, mà nhằm khai thác mối liên hệ chặt chẽ giữa chúng. Trong giảng dạy, việc chỉ rõ sự đóng góp của chữ độc thể vào hình thể, âm đọc và ý nghĩa của chữ hợp thể giúp người học hình thành hệ thống kiến thức có liên kết, từ đó chuyển từ “nhớ mặt chữ” sang “hiểu cấu trúc và nội hàm của chữ Hán”, qua đó nâng cao hiệu quả học tập.

4. Phương pháp và nguyên tắc giảng dạy chữ độc thể

4.1 Các phương pháp giảng dạy chữ độc thể hiện nay

Để giảng dạy chữ độc thể một cách hiệu quả, các phương pháp hiện nay thường tập trung vào ba hướng tiếp cận chính, mỗi phương pháp đều nhắm đến một khía cạnh quan trọng trong quá trình nhận diện và ghi nhớ chữ Hán.

4.1.1 Phương pháp giảng dạy nét bút

Phương pháp giảng dạy nét bút tập trung vào việc phân tích các nét cấu thành của chữ độc thể, giúp người học nắm vững cấu trúc chữ và quy tắc viết. Thông qua việc làm rõ vai trò, vị trí và mối quan hệ giữa các nét, người học hiểu được sự khác biệt tinh tế giữa các chữ có hình thức gần giống nhau, từ đó nâng cao độ chính xác khi nhận diện và viết chữ.

Ví dụ, các chữ 未 và 末 có cấu trúc nét tương tự, nhưng sự khác biệt về vị trí nét ngang giúp phân biệt ý nghĩa hoàn toàn khác nhau. Việc phân tích nét bút giúp người học tránh nhầm lẫn và ghi nhớ chữ một cách có hệ thống.

4.1.2 Phương pháp giảng dạy theo nguồn gốc chữ

Phương pháp giảng dạy theo nguồn gốc chữ chú trọng giải thích nghĩa gốc và quá trình hình thành của chữ Hán, qua đó giúp người học hiểu sâu ý nghĩa của chữ và tăng khả năng ghi nhớ. Thông qua việc liên hệ giữa hình thức chữ và ý nghĩa ban đầu, người học có thể nắm bắt nội hàm chữ một cách trực quan hơn.

Ví dụ, khi giảng dạy chữ 日, giáo viên có thể giải thích hình dạng ban đầu của chữ mô phỏng hình ảnh mặt trời, từ đó liên hệ với các nghĩa mở rộng như “ngày”, “thời gian”. Cách tiếp cận này giúp người học hiểu được mối quan hệ giữa hình thức chữ và ý nghĩa, thay vì chỉ ghi nhớ máy móc.

4.1.3 Phương pháp giảng dạy chữ độc thể với vai trò là bộ phận cấu thành

Giảng dạy chữ độc thể với tư cách là bộ phận cấu thành là phương pháp trong đó giáo viên coi chữ độc thể như một tập hợp các nét bút cơ bản để phân tích cấu trúc nét của chữ, nhằm giúp người học nắm vững kết cấu hình thể của chữ Hán. Phương pháp này nhấn mạnh việc nhận diện và ghi nhớ các nét cấu thành, qua đó hình thành nền tảng vững chắc cho kỹ năng viết chữ. Trong quá trình giảng dạy, giáo viên có thể tiến hành tách chữ độc thể thành các nét bút riêng lẻ và phân tích vai trò của từng nét. Khi cần thiết, giáo viên có thể sử dụng phần mềm hỗ trợ giảng dạy để trực quan hóa quá trình phân tách và kết hợp các nét.

Ví dụ, khi giảng dạy chữ 日, giáo viên phân tích chữ này gồm các nét ngang, sổ, gấp, sau đó hướng dẫn học sinh cách kết hợp các nét theo đúng trật tự để tạo thành một chữ hoàn chỉnh. Thông qua phương pháp này, người học không chỉ hiểu rõ cấu trúc của từng chữ độc thể mà còn nâng cao khả năng quan sát và tái hiện hình thể chữ Hán, từ đó hạn chế lỗi viết sai nét và sai thứ tự nét.

Các phương pháp giảng dạy chữ độc thể hiện nay, dù có ưu điểm riêng, đều tồn tại những hạn chế khi áp dụng đơn lẻ, đặc biệt trong bối cảnh Việt Nam, nơi người học có sẵn tư duy Hán-Việt nhưng lại thiếu môi trường tiếp xúc tự nhiên. Phương pháp nét bút dễ gây nhàm chán, phương pháp nguồn gốc đôi khi thiếu tính thực tế, còn phương pháp phân tích cấu trúc dễ khiến việc học bị tách rời khỏi ngôn ngữ sống động.

4.2 Nguyên tắc giảng dạy chữ độc thể

4.2.1 Nguyên tắc tổng thể

Dạy chữ độc thể không chỉ để nhớ mặt chữ, mà còn phải gắn với vai trò của chúng khi làm bộ phận cấu thành chữ hợp thể. Ví dụ, dạy chữ 女 cần giới thiệu luôn vai trò bộ thủ, và các chữ hợp thể như 妈, 姐, 好 để học sinh hiểu mối liên hệ ý nghĩa.

4.2.2 Nguyên tắc vừa phải

Giải thích nguồn gốc chữ cần đơn giản, trực quan, tránh dùng từ khó hiểu, chỉ nên dừng ở mức gây hứng thú. Ví dụ, dạy chữ 山 có thể chỉ cần chỉ ra hình dáng giống ngọn núi, không cần đi sâu vào biến thể triện thư hay kim văn phức tạp.

4.2.3 Nguyên tắc có căn cứ

Giải thích chữ phải dựa trên tài liệu chuẩn, tránh diễn giải không có cơ sở khoa học gây hiểu nhầm về cấu tạo chữ. Ví dụ, chữ 休 là chữ hội ý (người dựa vào cây để nghỉ), không phải là chữ hình thanh; không nên giải thích gượng ép rằng 木 ở đây biểu âm. Tài liệu chuẩn là những công trình ngôn ngữ học có giá trị học thuật cao, được giới chuyên môn công nhận, bao gồm: các bộ tự điển cổ điển như Thuyết văn giải tự, Khang Hi tự điển hay hệ thống Lục thư. Trong hệ thống Lục thư, chữ độc thể có liên quan trực tiếp đến hai loại là chữ tượng hình và chữ chỉ sự. Chữ tượng hình là loại chữ được vẽ lại từ hình dáng sự vật, ví dụ chữ 日 (mặt trời) mô phỏng hình tròn của mặt trời; chữ chỉ sự - loại chữ dùng ký hiệu để biểu thị khái niệm trừu tượng, ví dụ chữ 上 (trên) dùng một gạch ngang làm mốc và một dấu chỉ phía trên để thể hiện vị trí.

4.2.4 Nguyên tắc phân biệt

Cần so sánh các chữ/bộ thủ hình dáng gần giống để học sinh nhận ra điểm khác biệt then chốt. Ví dụ, so sánh bộ 扌 và bộ 木 thì bộ 扌 có nét hất ở bên trái, còn bộ 木 khi đứng riêng có nét móc ở bên phải.

4.2.5 Nguyên tắc củng cố

Ôn tập chữ độc thể thông qua các chữ hợp thể và ngữ cảnh có chứa nó. Ví dụ, sau khi học chữ 心, cần liên tục lặp lại và ôn tập nó trong các từ như 想, 怕, 忙.

4.2.6 Nguyên tắc viết chữ

Chú trọng thứ tự nét và kết cấu ngay từ chữ độc thể đơn giản, làm nền tảng cho việc viết chữ hợp thể. Ví dụ, dạy viết chữ 水 phải tuân thủ thứ tự nét: giữa trước, hai bên sau.

5. Đề xuất chiến lược giảng dạy

5.1 Giải thích ý nghĩa văn hóa bằng hình ảnh, video trực quan

Sử dụng tư liệu trực quan là cách hiệu quả để làm sáng tỏ ý nghĩa văn hóa sâu xa trong chữ độc thể. Ví dụ, khi dạy chữ 月, giáo viên có thể cho xem hình ảnh vầng trăng khuyết, đồng thời trình chiếu video mô phỏng sự thay đổi của mặt trăng. Hình dáng cong của chữ 月 rất giống với trăng lưỡi liềm, giúp học sinh dễ dàng liên tưởng và ghi nhớ. Ngoài ra, người dạy có thể giới thiệu các câu chuyện truyền thuyết về Hằng Nga hay các bài thơ cổ về trăng, giúp học sinh cảm nhận được vẻ đẹp văn hóa ẩn chứa trong từng con chữ.

5.2 Khám phá hình thể chữ qua nguồn gốc và sự biến đổi

Việc truy nguyên nguồn gốc và sự biến đổi hình thể của chữ độc thể giúp học sinh nắm bắt được logic tạo chữ và cấu trúc cơ bản. Ví dụ, chữ 水 trong giáp cốt văn có hình dáng như dòng nước chảy, miêu tả đặc tính linh hoạt và biến đổi của nước. Qua thời gian, hình dáng này được cách điệu hóa để trở thành chữ 水 ngày nay. Việc chỉ ra sự liên tưởng này giúp học sinh hiểu được phương pháp tạo chữ tượng hình một cách trực quan.

5.3 Phân biệt chữ qua phương pháp so sánh

Phương pháp so sánh giúp học sinh phân biệt những chữ độc thể có hình dáng gần giống nhưng khác biệt về ý nghĩa, tránh nhầm lẫn. Ví dụ, so sánh chữ 日 và 旦. Thoạt nhìn, cả hai đều có hình chữ nhật, nhưng chữ 日 thường cao và hẹp hơn, trong khi chữ 旦 thường rộng và hơi thấp hơn, tượng trưng cho miệng đang mở ra để phát ngôn. Việc chỉ ra sự khác biệt tinh tế về tỷ lệ và ý nghĩa gốc giúp học sinh phân biệt rõ ràng và ghi nhớ lâu dài.

5.4 Áp dụng cái cũ dẫn dắt cái mới

Phương pháp này tận dụng kiến thức đã học để mở rộng và xây dựng hệ thống chữ Hán một cách logic. Ví dụ, sau khi học chữ 人 và 木, giáo viên có thể dẫn dắt học sinh đến với chữ 休 - nghỉ ngơi, với lý giải: khi con người (人) dựa vào cây (木) thì sẽ được nghỉ ngơi. Việc giải thích hình ảnh này không chỉ giúp ghi nhớ chữ mới dễ dàng mà còn củng cố lại hai chữ đã học, tạo nên một mạng lưới liên kết kiến thức bền vững.

5.5 Kết hợp giữa học trong và ngoài lớp để gắn kết chữ với văn hóa

Việc học chữ Hán và tìm hiểu văn hóa có mối liên hệ mật thiết. Do đó, cần chú trọng kết hợp hai yếu tố này thông qua cả hoạt động trên lớp và ngoại khóa.

Trong giờ học, giáo viên có thể hướng dẫn học sinh quan sát cấu trúc và lịch sử phát triển của chữ để thấu hiểu ý nghĩa và hàm nghĩa văn hóa. Có thể thiết kế giáo trình hoặc tổ chức hoạt động để học sinh nắm bắt cấu trúc và ý nghĩa chữ thông qua thực hành. Ví dụ: Khi giảng chữ 安, trước tiên cho học sinh quan sát cấu trúc của chữ, sau đó giải thích ý nghĩa: người phụ nữ ở trong nhà thì cảm thấy “an toàn, bình yên”. Từ đó, học sinh hiểu được nghĩa gốc là “sự yên ổn, an toàn” và các nghĩa mở rộng như “ổn định, yên tâm”.

Bên ngoài lớp học, giáo viên có thể tổ chức các hoạt động như tham quan bảo tàng, tìm hiểu thư pháp, tham gia lễ hội truyền thống, giúp học sinh trải nghiệm văn hóa một cách sống động và thấy được sự hiện diện của chữ Hán trong đời sống, từ đó củng cố và mở rộng kiến thức đã học.

6. Kết luận và kiến nghị

6.1 Kết luận

Qua phân phân tích trên có thể thấy, việc xây dựng chiến lược giảng dạy chữ Hán lấy chữ độc thể làm trung tâm là một hướng tiếp cận có cơ sở và phù hợp với người học tiếng Trung, đặc biệt là người học Việt Nam. Tính hiệu quả của chiến lược này được đảm bảo thông qua việc tuân thủ một hệ thống nguyên tắc giảng dạy chặt chẽ, bao gồm: nguyên tắc tổng thể (dạy chữ độc thể gắn với vai trò cấu thành chữ hợp thể như 女 trong 妈, 姐, 好); nguyên tắc vừa phải (giải thích nguồn gốc chữ đơn giản, trực quan như chữ 山 giống hình ngọn núi); nguyên tắc có căn cứ (dựa trên tài liệu chuẩn như Lục thư để phân loại chữ tượng hình 日, chỉ sự 上); nguyên tắc phân biệt (so sánh chữ dễ nhầm như bộ 扌 và 木); nguyên tắc củng cố (ôn tập qua chữ hợp thể như 心 trong 想, 怕, 忙); và nguyên tắc viết chữ (chú trọng thứ tự nét từ những chữ đơn giản như 水).

Trên nền tảng các nguyên tắc đó, việc khai thác đặc điểm hình thể và ý nghĩa của chữ độc thể thông qua các phương pháp như phân tích nét bút, giải thích nguồn gốc chữ và liên hệ với chữ hợp thể đã giúp quá trình học chữ Hán trở nên rõ ràng, có hệ thống và dễ tiếp cận hơn. Nhờ đó, người học không chỉ hình thành nền tảng chữ Hán vững chắc ngay từ giai đoạn đầu, mà còn chuyển từ trạng thái ghi nhớ máy móc sang hiểu sâu cấu trúc và nội hàm của chữ. Khi được tổ chức hợp lý dựa trên các nguyên tắc nêu trên, chiến lược này góp phần nâng cao khả năng nhận diện, hiểu và sử dụng chữ Hán trong học tập, đồng thời xây dựng tư duy hệ thống để người học có thể tự tin chinh phục các tầng lớp chữ phức tạp hơn.

6.2 Kiến nghị

Để việc giảng dạy chữ độc thể đạt hiệu quả cao trong thực tiễn, cần có sự phối hợp từ các chủ thể liên quan:

6.2.1 Đối với cơ sở giáo dục

Cần xây dựng chương trình và giáo trình có tính hệ thống, trong đó giai đoạn đầu ưu tiên giảng dạy các chữ độc thể cơ bản, có tần suất sử dụng cao và khả năng tạo chữ lớn. Giáo trình nên bổ sung hình ảnh minh họa, bài tập phân tích cấu trúc và hoạt động mở rộng từ vựng dựa trên chữ độc thể đã học. Bên cạnh đó, cần khuyến khích phát triển và sử dụng các học liệu số như phần mềm, video minh họa nét bút và cấu tạo chữ, nhằm hỗ trợ giáo viên và người học trong quá trình dạy và học.

6.2.2 Đối với người dạy

Giáo viên cần linh hoạt kết hợp các phương pháp giảng dạy, tránh sử dụng đơn lẻ một cách tiếp cận. Việc giải thích nguồn gốc chữ, phân tích nét bút và chỉ ra mối liên hệ giữa chữ độc thể với chữ hợp thể nên được thực hiện song song. Nguyên tắc “từ đơn giản đến phức tạp” và “độc thể gắn với hợp thể” cần được duy trì xuyên suốt quá trình giảng dạy. Ngoài ra, giáo viên có thể thiết kế các hoạt động học tập đơn giản như ghép chữ, phân tích cấu trúc hoặc liên hệ chữ với yếu tố văn hóa, nhằm tăng mức độ tham gia của người học và nâng cao hiệu quả tiếp thu.

6.2.3 Đối với người học

Người học cần hình thành thói quen phân tích chữ Hán theo cấu trúc, coi chữ độc thể là “bảng chữ cái” để nhận diện và ghi nhớ chữ mới. Thay vì học chữ một cách rời rạc, người học nên chủ động tách chữ thành các thành phần quen thuộc để suy đoán nghĩa và cách đọc. Bên cạnh đó, việc luyện tập chữ cần được thực hiện trong ngữ cảnh cụ thể thông qua từ và câu, kết hợp giữa luyện viết đúng thứ tự nét và rèn kỹ năng đọc viết gắn với cấu tạo chữ. Sự kiên trì và chủ động của người học là yếu tố quan trọng để nâng cao hiệu quả học chữ Hán lâu dài.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Li Beier, Zhang Haitao. (2022). *Nghiên cứu phương pháp giảng dạy chữ độc thể trong giáo dục Hán ngữ quốc tế*. Giáo dục Đại học, 182–184.
- Sha Zongyuan, Song Fuyan. (2022). Nghiên cứu chữ độc thể mang chức năng biểu âm trong giảng dạy Hán ngữ quốc tế. *Tạp chí Văn tự học Trung Quốc*: 228–240.
- Huang Qiuyan. (2020). *Nghiên cứu chữ độc thể ở giai đoạn sơ cấp dùng trong giáo dục Hán ngữ quốc tế*. Đại học Jinan.
- Li Qingyun. (2019). *Giảng dạy chữ độc thể trong giáo dục Hán ngữ quốc tế*. Đại học Sư phạm Hải Nam.
- Liu Ming. (2020). *Nghiên cứu giảng dạy chữ độc thể ở giai đoạn sơ cấp trong dạy tiếng Hán cho người nước ngoài*. Đại học Sư phạm Hải Nam.
- Li Xin. (2021). *Nghiên cứu ứng dụng chữ độc thể trong cương mục từ vựng dựa trên phương pháp giảng dạy ngữ tố*. Đại học Thông tin và Công nghệ Nam Kinh.
- Yu Xiaoyan. (2021). *Thiết kế giảng dạy và suy ngẫm về quy luật kết hợp cấu tạo chữ khi chữ độc thể làm bộ phận*. Giáo dục Giang Tô.
- Zhang Qi. (2024). *Nghiên cứu hành động về giảng dạy chữ độc thể trong dạy tiếng Hán cho người nước ngoài ở bậc trung học cơ sở*. Đại học Sư phạm Tây Bắc.